



Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4103006066	ngày 8 tháng 2 năm 2007
Đăng ký Doanh Nghiệp số	4103006066	ngày 29 tháng 6 năm 2009
	0301445210	ngày 6 tháng 7 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh cuối cùng vào ngày 6 tháng 7 năm 2011. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định cổ phần hóa	3241/QĐ-BCN	ngày 14 tháng 11 năm 2006
-------------------------------	-------------	---------------------------

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hữu Phú	Thành viên
	Ông Nguyễn Tiến Bình	Thành viên (đến ngày 23 tháng 4 năm 2011)
	Ông Lê Thiết Hùng	Thành viên (từ ngày 23 tháng 4 năm 2011)
	Ông Điều Chí Hào	Thành viên
	Ông Trần Chí Nguyên	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Khiêm	Tổng Giám đốc
	Ông Trần Chí Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hữu Phú	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Thiết Hùng	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký	127 Đường Lê Văn Chí Phường Linh Trung Quận Thủ Đức Việt Nam
-----------------------	---

Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		343.225.578.165	288.816.694.592
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	37.446.699.287	29.892.894.078
Tiền	111		27.446.699.287	23.892.894.078
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	6.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	117.962.710.809	119.725.739.950
Phải thu khách hàng	131		106.275.122.989	113.050.569.149
Trả trước cho người bán	132		1.530.348.148	1.258.689.728
Các khoản phải thu khác	135		10.238.572.427	5.416.481.073
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(81.332.755)	-
Hàng tồn kho	140	6	186.159.213.627	136.888.587.329
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.656.954.442	2.309.473.235
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		804.521.030	393.208.066
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		451.794.490	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		400.638.922	1.916.265.169
Tài sản dài hạn	200		330.416.235.620	317.680.586.830
Tài sản cố định	220		247.266.431.861	264.541.144.996
Tài sản cố định hữu hình	221	7	245.959.894.449	202.908.568.921
<i>Nguyên giá</i>	222		523.728.448.356	449.555.913.416
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(277.768.553.907)	(246.647.344.495)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	1.306.537.412	61.632.576.075
Bất động sản đầu tư	220	9	1.352.250.631	3.098.976.110
<i>Nguyên giá</i>	222		26.605.778.414	26.605.778.414
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(25.253.527.783)	(23.506.802.304)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	81.663.517.697	49.934.590.740
Đầu tư vào công ty con	252		75.799.934.464	10.651.839.464
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7.058.786.163	39.424.786.163
Đầu tư dài hạn khác	258		2.550.000.000	2.100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.745.202.930)	(2.242.034.887)
Tài sản dài hạn khác	260		134.035.431	105.874.984
Chi phí trả trước dài hạn	261		134.035.431	105.874.984
TỔNG TÀI SẢN	270		673.641.813.785	606.497.281.422

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		311.767.414.143	332.724.049.512
Nợ ngắn hạn	310		245.886.588.466	234.162.069.663
Vay ngắn hạn	311	11	121.269.980.641	144.766.681.369
Phải trả người bán	312	12	30.725.422.015	46.974.969.853
Người mua trả tiền trước	313		2.647.886.156	6.352.656.673
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	13	828.644.852	7.577.556.954
Phải trả nhân viên	315		27.374.785.434	20.395.086.860
Chi phí phải trả	316		698.507.185	34.198.845
Các khoản phải trả khác	319	14	60.735.433.953	7.474.949.445
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.605.928.230	585.969.664
Vay và nợ dài hạn	330		65.880.825.677	98.561.979.849
Vay dài hạn	334	15	64.199.077.617	97.502.816.569
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	16	1.681.748.060	1.059.163.280
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		361.874.399.642	273.773.231.910
Vốn chủ sở hữu	410		361.874.399.642	273.773.231.910
Vốn cổ phần	411	17	200.000.000.000	140.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.172.727.273	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(136.290.628)	(173.591.061)
Quỹ đầu tư phát triển	417	18	47.700.748.981	47.700.748.981
Quỹ dự phòng tài chính	418	18	5.696.073.596	5.696.073.596
Lợi nhuận chưa phân phối	420		106.441.140.420	80.550.000.394
TỔNG NGUỒN VỐN	440		673.641.813.785	606.497.281.422

Người lập:

Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

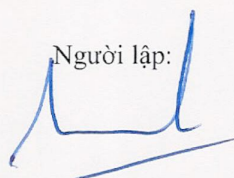
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu	01	19	1.611.064.018.188	1.256.281.770.257
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	(277.570.826)	(7.500.045.422)
Doanh thu thuần	10	19	1.610.786.447.362	1.248.781.724.835
Giá vốn hàng bán	11	20	(1.414.501.948.544)	(1.092.799.893.579)
Lợi nhuận gộp	20		196.284.498.818	155.981.831.256
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	14.011.182.135	8.947.547.846
Chi phí tài chính	22	22	(53.878.474.510)	(32.717.471.210)
Chi phí bán hàng	24		(9.257.297.536)	(10.892.074.386)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(35.965.082.425)	(27.982.232.300)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		111.194.826.482	93.337.601.206
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	23	37.999.427.249	36.961.078.181
Chi phí khác	32	24	(36.386.420.843)	(36.241.544.533)
Lợi nhuận trước thuế	50		112.807.832.888	94.057.134.854
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	25	(14.083.692.838)	(13.507.134.460)
Lợi nhuận thuần	60		98.724.140.050	80.550.000.394

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	112.807.832.888	94.057.134.854
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	39.505.688.206	32.567.134.752
Các khoản dự phòng	03	2.749.177.187	(535.145.747)
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	4.586.100.830	1.537.450.775
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.685.045.814)	(5.610.665.016)
Chi phí lãi vay	06	27.569.842.810	21.726.504.955
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	179.533.596.107	143.742.414.573
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	4.626.643.747	(25.351.701.865)
Biến động hàng tồn kho	10	(49.270.626.298)	(53.857.411.260)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	(12.286.398.455)	37.465.125.146
Biến động chi phí trả trước	12	(439.473.411)	211.484.116
		122.163.741.690	102.209.910.710
Tiền lãi vay đã trả	13	(27.593.632.752)	(21.750.294.897)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(20.744.653.541)	(16.377.492.580)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.813.041.458)	(4.812.749.889)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20	70.012.413.939	59.269.373.344
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(21.054.172.079)	(95.790.524.249)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	806.681.841	3.666.290.020
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(15.182.095.000)	(750.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	1.614.615.796	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27	5.694.467.948	4.146.256.717
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30	(28.120.501.494)	(88.727.977.512)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

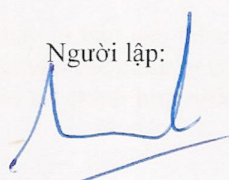
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	55.172.727.273	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	859.700.975.910	603.265.699.703
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(921.143.167.303)	(561.302.695.917)
Tiền chi trả cổ tức	36	(27.993.210.000)	(8.657.300.000)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động tài chính	40	(34.262.674.120)	33.305.703.786
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	7.629.238.325	3.847.099.618
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	29.892.894.078	26.124.766.761
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(75.433.116)	(78.972.301)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (thuyết minh 3)	70	37.446.699.287	29.892.894.078

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

	2011 VND	2010 VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	7.000.000.000	-

Người lập:


Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Tổng vốn điều lệ của Công ty được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là 200.000.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 1.291 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.284 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”) được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Đầu tư vào các công ty con, liên doanh và liên kết được phản ánh theo nguyên giá. Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con và phát hành báo cáo này riêng.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Công ty áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Việc áp dụng Thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hoặc trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của Công ty. Các thuyết minh báo cáo tài chính quy định trong Thông tư 210 không phải trình bày các số liệu so sánh do áp dụng phi hồi tố.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Cho đến hết năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi hoàn lại để xóa sổ vào đầu kỳ sau;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc thanh toán các tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nếu Công ty tiếp tục áp dụng chính sách kế toán trước đây cho các giao dịch ngoại tệ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 ("VAS 10") – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*, lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm một khoản là 136.290.628 VND (2010: 173.591.061 VND).

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(f) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh, tiền gửi có kỳ hạn, công cụ nợ và công cụ vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của các khoản đầu tư xuống thấp hơn nguyên giá hoặc khi đơn vị nhận đầu tư chịu lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 38 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 9 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí phân bổ liên quan liên quan đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động hiện tại cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	8 – 16 năm
-----------	------------

(l) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ được trình bày trên bảng cân đối kế toán như là một khoản trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm.

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

(m) Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(p) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân phối từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm căn cứ vào quyết định của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(r) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty hoạt động trong một lĩnh vực sản xuất kinh doanh hàng may mặc và trong lãnh thổ Việt Nam.

(u) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm công ty con, liên kết, liên doanh, công ty mẹ và các công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết của công ty mẹ.

(v) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	14.658.000	3.548.500
Tiền gửi ngân hàng	27.432.041.287	23.889.345.578
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	6.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	37.446.699.287	29.892.894.078
	<hr/>	<hr/>

Tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm số ngoại tệ tương đương 106 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 4.290 triệu VND).

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng bao gồm:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải thu công ty con	441.060.327	1.619.715.361
Phải thu công ty liên kết và liên doanh	776.205.279	633.544.095
Phải thu các công ty liên quan khác	4.777.141.163	15.055.484.261
Phải thu các bên thứ ba	100.280.716.220	95.741.825.432
	<hr/>	<hr/>
	106.275.122.989	113.050.569.149
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Cho vay công ty con	2.400.000.000	
Cho vay bên thứ ba	300.000.000	-
Cổ tức phải thu từ các công ty liên quan khác	6.371.672.000	4.565.372.000
Phải thu khác	1.166.900.427	851.109.073
	<hr/>	<hr/>
	10.238.572.427	5.416.481.073
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu từ các công ty con, công ty liên kết và liên doanh và các công ty liên quan khác không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Dự phòng phải thu khó đòi phản ánh dự phòng được lập trong năm.

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về khả năng tín dụng trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng từ 7 ngày đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Nếu quá thời hạn hoàn trả các khoản phải thu đó chịu lãi suất dao động mỗi tháng từ 1,2% đến 1,5%. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 45 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	Số dư gộp 31/12/2011 VND	Dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi 31/12/2011 VND
Trong hạn	62.604.832.328	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	40.498.770.831	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	13.247.426.747	-
Quá hạn trên 180 ngày	162.665.510	81.332.755
	<hr/>	
	116.513.695.416	81.332.755
	<hr/>	

5. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Hàng mua đang đi trên đường	13.861.670.359	33.345.258.209
Nguyên vật liệu	34.447.416.342	24.446.860.562
Công cụ và dụng cụ	65.434.227	44.336.804
Sản phẩm dở dang	24.419.893.130	12.387.397.126
Thành phẩm	113.240.302.422	36.989.920.840
Hàng hóa	124.497.147	29.674.813.788
	<hr/>	
	186.159.213.627	136.888.587.329
	<hr/>	

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	52.823.321.396	965.029.846	386.160.763.569	9.606.798.605	449.555.913.416
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	141.634.545	78.800.713.015	2.437.863.182	81.380.210.742
Thanh lý	-	(84.163.550)	(5.200.072.298)	(1.923.439.954)	(7.207.675.802)
Số dư cuối năm	52.823.321.396	1.022.500.841	459.761.404.286	10.121.221.833	523.728.448.356
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	39.805.905.707	748.479.152	200.721.863.799	5.371.095.837	246.647.344.495
Khấu hao trong năm	2.069.956.740	84.942.080	34.388.789.357	1.215.274.550	37.758.962.727
Thanh lý	-	(72.743.144)	(4.736.679.858)	(1.828.330.313)	(6.637.753.315)
Số dư cuối năm	41.875.862.447	760.678.088	230.373.973.298	4.758.040.074	277.768.553.907
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	13.017.415.689	216.550.694	185.438.899.770	4.235.702.768	202.908.568.921
Số dư cuối năm	10.947.458.949	261.822.753	229.387.430.988	5.363.181.759	245.959.894.449

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 95.630 triệu VND được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 93.419 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 162.297 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 106.033 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

7. Xây dựng cơ bản dở dang

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	61.632.576.075	29.861.331.461
Tăng trong năm	21.054.172.079	95.790.524.249
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(81.380.210.742)	(64.019.279.635)
Số dư cuối năm	<u>1.306.537.412</u>	<u>61.632.576.075</u>

8. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	<u>26.605.778.414</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	23.506.802.304
Khấu hao trong năm	1.746.725.479
Số dư cuối năm	<u>25.253.527.783</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	3.098.976.110
Số dư cuối năm	<u>1.352.250.631</u>

Công ty không thực hiện việc xác định lại giá trị của bất động sản đầu tư tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011.

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư vào các công ty con		
▪ Công ty cổ phần May Việt Thắng	10.651.839.464	10.651.839.464
▪ Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	65.148.095.000	-
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh		
▪ Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	-	32.366.000.000
▪ Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	7.058.786.163	7.058.786.163
Các khoản đầu tư dài hạn khác:		
▪ Công ty cổ phần truyền thông Vinatex	-	450.000.000
▪ Công ty TNHH Dệt Việt Phú	1.800.000.000	900.000.000
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Chọn	750.000.000	750.000.000
	<hr/> 85.408.720.627	<hr/> 52.176.625.627
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(3.745.202.930)	(2.242.034.887)
	<hr/> 81.663.517.697	<hr/> 49.934.590.740

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh như sau:

Name	Address	31/12/2011 % quyền sở hữu và biểu quyết	31/12/2010 % quyền sở hữu và biểu quyết
Các công ty con			
Công ty cổ phần May Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	52.27%	52.27%
Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	58.55%	0%
Công ty liên kết			
Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	0%	29.4%
Công ty liên doanh			
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	50%	50%

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	2.242.034.887	2.777.180.634
Tăng dự phòng trong năm	1.786.070.759	264.603.431
Hoàn nhập	(282.902.716)	(799.749.178)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.745.202.930	2.242.034.887

10. Vay ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn	90.182.162.374	128.368.912.697
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 15)	31.087.818.267	16.397.768.672
	<hr/>	<hr/>
	121.269.980.641	144.766.681.369

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm dào hạn	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<i>NIITMCP Ngoại thương Việt Nam</i>					
Khoản vay 1	VND	15,0%-19,0%	2012	10.663.632.875	-
Khoản vay 2	USD	6,0%-7,3%	2012	13.586.331.217	78.474.532.449
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>					
Khoản vay 3	VND	16,5%-20,0%	2012	14.719.607.062	12.801.814.946
Khoản vay 4	USD	6,5%-7,0%	2012	-	23.515.153.978
<i>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)</i>					
Khoản vay 5	USD	4,7%-5,5%	2012	51.212.591.220	13.577.411.324
				<hr/>	<hr/>
				90.182.162.374	128.368.912.697

Khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 7.532 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 12.809 triệu VND).

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

11. Phải trả người bán

Phải trả người bán bao gồm:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải trả công ty con	5.621.950.466	-
Phải trả công ty liên kết và liên doanh	-	11.696.501.247
Phải trả các công ty liên quan khác	104.666.155	135.215.292
Phải trả các bên thứ ba	24.998.805.394	35.143.253.314
	<hr/>	<hr/>
	30.725.422.015	46.974.969.853
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả công ty con, công ty liên doanh và liên kết và các công ty liên quan trên không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày từ ngày xuất hóa đơn.

12. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	216.674.456
Thuế nhập khẩu	111.778.072	10.127.863
Thuế thu nhập doanh nghiệp	653.664.700	7.314.625.403
Thuế thu nhập cá nhân	55.250.760	30.426.952
Các loại thuế khác	7.951.320	5.702.280
	<hr/>	<hr/>
	828.644.852	7.577.556.954
	<hr/>	<hr/>

13. Các khoản phải trả khác

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	10.349.060	156.078.743
Kinh phí công đoàn	166.331.504	142.070.702
Cổ tức phải trả	40.086.090.000	7.079.300.000
Mua cổ phiếu	20.000.000.000	-
Các khoản phải trả khác	472.663.389	97.500.000
	<hr/>	<hr/>
	60.735.433.953	7.474.949.445
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

14. Vay dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay dài hạn	95.286.895.884	113.900.585.241
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 11)	(31.087.818.267)	(16.397.768.672)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	64.199.077.617	97.502.816.569
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<i>Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>					
Hợp đồng vay số 01/06/HD-93292	VND	18,0% - 21,5%	2011	-	957.223.198
Hợp đồng vay số 00310/2007/0001361	VND	17,5% - 20,0%	2014	5.690.560.249	7.130.560.249
Hợp đồng vay số 00310/2007/0000841	VND	18,0% - 21,5%	2011	-	6.499.303.622
Hợp đồng vay số 00310/2008/0000500	VND	18,0% - 21,5%	2013	165.829.759	248.743.759
Hợp đồng vay số 00310/2008/0000500	USD	7,6% - 8,0%	2013	3.707.561.246	5.690.211.575
Hợp đồng vay số 00310/2009/0001279	VND	17,5% - 20,0%	2015	1.105.534.783	1.360.654.783
Hợp đồng vay số 00310/2009/0001279	USD	7,6% - 8,0%	2015	19.561.042.966	13.551.565.925
<i>Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam</i>					
Hợp đồng vay số 01/00273/565/EIB-HD/03	USD	7,0%-9,3%	2011	-	1.666.356.776
Hợp đồng vay số 01/00273/911/EIB-HD/03	USD	7,0%-9,3%	2011	-	2.752.580.276
<i>Khoản vay từ NHTMCP Ngoại thương Việt Nam</i>					
Hợp đồng vay số 0029/TD1/07CD	VND	16,8% - 19,0%	2014	9.116.914.140	11.216.914.140
Hợp đồng vay số 0029/TD1/07CD	USD	7,3% - 8,0%	2014	12.438.241.661	13.956.452.303
Hợp đồng vay số 0038/DTDA/09CD	VND	16,8% - 19,0%	2014	12.000.000.000	15.000.000.000
Hợp đồng vay số 0010/DTDA/10CD	VND	16,8% - 19,0%	2015	9.900.000.000	11.101.137.138
Hợp đồng vay số 0010/DTDA/10CD	USD	7,3% - 7,5%	2015	21.452.840.000	21.798.105.257
<i>Khoản vay từ Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam</i>					
Hợp đồng vay số 05-06/TD-QMT/DVT	VND	5,4%	2012	148.371.080	521.826.370
Hợp đồng vay số 06-06/TD-QMT/DVT	VND	5,4%	2011	-	448.949.870
				95.286.895.884	113.900.585.241

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 154.766 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 93.224 triệu VND).

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Từ 1 – 2 năm VND	Từ 2 – 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	119.534.148.587	119.534.148.587	119.534.148.587	-	-	-
Vay ngắn hạn	90.182.162.374	93.387.471.680	93.387.471.680	-	-	-
Vay dài hạn	95.286.895.884	113.038.371.483	32.830.868.430	34.681.386.755	45.526.116.298	-
	<u>305.003.206.845</u>	<u>325.959.991.750</u>	<u>245.752.488.697</u>	<u>34.681.386.755</u>	<u>45.526.116.298</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty chịu lãi suất thả nổi. Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm giảm 927 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty.

Giá trị ghi sổ của các khoản vay và nợ dài hạn phản ánh giá trị hợp lý tương ứng của chúng dựa trên lãi suất hiện hành áp dụng cho các khoản vay dài hạn có các điều khoản và thời gian đáo hạn tương ứng.

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

15. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	1.059.163.280
Trích lập dự phòng trong năm	963.106.428
Sử dụng dự phòng trong năm	(340.521.648)
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.681.748.060

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập từ 1% đến 3% của tổng quỹ lương theo hướng dẫn trong Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài Chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nợ tối đa của khoản dự phòng trợ cấp thôi việc được tính theo Bộ luật Lao động là 11,6 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 11,6 tỷ VND). Khoản này được tính mà không áp dụng phương pháp thống kê xác suất có sử dụng tỷ lệ chiết khấu, tăng lương, tử vong và tỷ lệ tiêu hao trong tương lai.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã đóng 641 triệu VND (2010: 830 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)****16. Vốn cổ phần**

Cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	7.300.000	73.000.000.000
Các cổ đông khác	10.145.000	101.450.000.000	6.700.000	67.000.000.000
	20.000.000	200.000.000.000	14.000.000	140.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2011		2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	14.000.000	140.000.000.000	14.000.000	140.000.000.000
Cổ tức	700.000	7.000.000.000	-	-
Vốn cổ phần đã phát hành	5.300.000	53.000.000.000	-	-
Số dư cuối năm	20.000.000	200.000.000.000	14.000.000	140.000.000.000

Công ty quyết định phát hành 6.000.000 cổ phiếu, bao gồm 700.000 cổ phiếu từ cổ tức và 5.300.000 cổ phiếu mới trong đó 4.200.000 cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu và 1.100.000 cho cổ đông mới. Việc phát hành này được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt theo Công văn số 45/GCN-UBCK ngày 4 tháng 4 năm 2011.

Thặng dư vốn cổ phần phát sinh do việc phát hành cổ phiếu với giá cao hơn mệnh giá.

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

17. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh. Khi quỹ này được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

18. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2011	2010
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	843.292.016.932	642.399.261.753
▪ Bán hàng hóa	754.798.815.528	598.148.752.034
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	12.973.185.728	15.733.756.470
	<hr/>	<hr/>
	1.611.064.018.188	1.256.281.770.257
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(277.570.826)	(7.500.045.422)
	<hr/>	<hr/>
	1.610.786.447.362	1.248.781.724.835
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
 (tiếp theo)

19. Giá vốn hàng bán

	2011 VND	2010 VND
Thành phẩm đã bán	693.534.670.950	527.368.542.909
Hàng hoá đã bán	717.407.840.312	561.663.225.423
Bất động sản đầu tư cho thuê	3.559.437.282	3.768.125.247
	<hr/>	<hr/>
	1.414.501.948.544	1.092.799.893.579
	<hr/>	<hr/>

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	2011 VND	2010 VND
Lãi tiền gửi		
▪ Các bên liên quan	480.085.556	791.863.718
▪ Ngân hàng	1.329.932.392	508.902.999
Thu nhập từ cổ tức	5.690.750.000	4.605.270.000
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	3.751.684.242	2.118.935.196
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.758.729.945	922.575.933
	<hr/>	<hr/>
	14.011.182.135	8.947.547.846
	<hr/>	<hr/>

21. Chi phí tài chính

	2011 VND	2010 VND
Chi phí lãi vay	27.569.842.810	21.726.504.955
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.883.978.623	9.988.661.227
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.586.100.830	1.537.450.775
Lỗ từ việc thanh lý đầu tư	52.481.488	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	1.786.070.759	264.603.431
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(799.749.178)
	<hr/>	<hr/>
	53.878.474.510	32.717.471.210
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

22. Thu nhập khác

	2011 VND	2010 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	806.681.841	3.666.290.020
Thu nhập từ việc cho thuê máy móc	531.023.050	968.946.525
Thu phí tiền điện từ các công ty liên doanh và liên kết	22.035.422.798	19.842.375.380
Bán phế liệu	10.488.067.804	9.156.039.120
Thu nhập khác	4.138.231.756	3.327.427.136
	<hr/>	<hr/>
	37.999.427.249	36.961.078.181
	<hr/>	<hr/>

23. Chi phí khác

	2011 VND	2010 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình thanh lý	569.922.487	3.961.661.721
Chi phí cho thuê máy móc	508.046.633	1.421.917.899
Chi phí tiền điện cho các công ty liên doanh và liên kết	21.353.546.193	19.748.932.125
Chi phí bán phế liệu	9.967.525.748	8.340.953.623
Chi phí khác	3.987.379.782	2.768.079.165
	<hr/>	<hr/>
	36.386.420.843	36.241.544.533
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2011 VND	2010 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	14.083.692.838	13.507.134.460

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	112.807.832.888	94.057.134.854
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	28.201.958.222	23.514.283.714
Chi phí không được khấu trừ thuế	773.400.748	385.236.986
Thu nhập không bị tính thuế	(1.422.687.500)	(1.151.317.500)
Ưu đãi thuế	(13.468.978.632)	(9.241.068.740)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	14.083.692.838	13.507.134.460

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế và được hưởng ưu đãi thuế suất 20% trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (năm 2007). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong hai năm 2007 và 2008 và giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất 25%.

25. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 23 tháng 4 năm 2011 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 28.000 triệu VND (2010: 7.000 triệu VND) từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2010. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng quyết định chi trả cổ tức 7.000 triệu VND năm 2009 bằng cổ phiếu trong năm 2011. Ngoài ra, theo thông báo của Công ty ngày 14 tháng 12 năm 2011 đã quyết định phân phối cổ tức là 40.000 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2011.

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)****26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2011 VND	2010 VND
Công ty con		
Công ty cổ phần May Việt Thắng		
Bán thành phẩm	13.739.281.884	16.821.608.939
Gia công thành phẩm	12.602.560	-
Ký quỹ thuê nhà	25.000.000	-
Thu nhập cho thuê	1.154.292.833	1.005.090.211
Thu nhập khác	4.297.704.891	3.891.379.727
Mua hàng hóa	11.784.392.822	313.853.279
Thu nhập cổ tức	2.090.750.000	2.425.270.000
Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu dệt may Bình An		
Bán thành phẩm	119.379.065.823	150.538.389.118
Gia công thành phẩm	15.980.000	5.463.832.204
Thu nhập khác	1.834.225.915	1.478.192.324
Mua hàng hóa	181.334.825.656	203.235.399.310
Mua hàng gia công	32.006.156.476	-
Mua khác	32.178.620	5.164.008
Khoản vay phải thu	2.400.000.000	4.100.000.000
Thu nhập lãi cho vay	12.000.000	347.482.639
Công ty liên doanh và liên kết		
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I		
Bán thành phẩm	147.934.110	55.352.700
Doanh thu cho thuê	750.000.000	1.562.847.675
Thu nhập khác	2.120.297.696	2.065.174.001
Thu nhập lãi cho vay	9.350.000	-
Phân phối cổ tức	800.000.000	-
Thu nhập cổ tức	2.700.000.000	2.000.000.000
Mua hàng hóa	169.204.120	151.028.056
Khoản vay phải thu	850.000.000	-
Bán cổ phiếu	4.800.000.000	-

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

	Giá trị giao dịch	
	2011 VND	2010 VND
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Dệt Việt Phú		
Bán thành phẩm	232.949.672.032	209.561.424.988
Bán dụng cụ và phụ tùng	10.285.718.275	7.075.959.551
Doanh thu điện	16.770.311.638	14.699.968.031
Doanh thu cho thuê	5.876.181.820	5.876.181.820
Doanh thu gia công	521.235.780	843.295.784
Thu nhập khác	612.991.412	635.796.945
Mua hàng hóa	355.240.292.681	275.640.880.577
Công ty TNHH Dệt Việt Phú (tiếp theo)		
Khoản vay phải thu	5.000.000.000	3.800.000.000
Thu nhập lãi cho vay	443.055.556	444.381.079
Phân phối cổ tức	600.000.000	-
Thu nhập cổ tức	900.000.000	180.000.000
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	156.000.000	481.111.111
Bán cổ phiếu	3.600.000.000	-
Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Phí thành viên	140.000.000	140.000.000
Phân phối cổ tức	34.310.000.000	3.650.000.000
Mua cổ phần Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu dệt may Bình An	32.782.095.000	-
Thanh lý khoản đầu tư tại công ty Cổ phần Nhuộm và Hoàn tất vải Vinatex	1.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dệt 8 - 3		
Thu nhập khác	-	330.000.000
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
Bán thành phẩm	639.915.081	551.247.660
Mua hàng hóa	194.262.285	58.637.961
Công ty cổ phần Sợi Phú Bài		
Bán thành phẩm	3.600.511.038	-
Mua hàng hóa	-	2.411.937.548
Công ty cổ phần Thương mại Dệt may TP Hồ Chí Minh		
Bán thành phẩm	13.939.201.474	17.820.240.368
Doanh thu gia công	301.467.360	173.662.150
Mua hàng hóa	23.656.336.644	27.029.634.224
Công ty cổ phần Vải Thời trang Phong Phước		
Bán thành phẩm	587.639.086	20.463.900
Doanh thu gia công	3.979.958.005	3.730.051.438
Mua hàng hóa	6.298.000	10.879.050

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

	Giá trị giao dịch	
	2011 VND	2010 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phước Long		
Bán thành phẩm	-	1.503.967.242
Doanh thu gia công	103.532.040	42.676.740
Công ty Cổ phần Len sợi Việt Nam		
Bán thành phẩm	3.289.067.600	599.796.000
Mua hàng hóa	4.052.048.842	787.194.312
Công ty Cổ phần Nhuộm và Hoàn tất vải Vinatex		
Bán thành phẩm	1.064.110.250	8.216.566.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Bán thành phẩm	3.529.945.960	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Bán thành phẩm	1.348.613.991	32.026.035
Công ty cổ phần Quốc tế Phong Phú PPJ		
Doanh thu gia công	3.300.419.090	41.114.700
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán thành phẩm	915.560.270	115.660.700
Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban quản lý		
Lương và thưởng	3.645.909.000	2.858.210.000

27. Các cam kết**(a) Chi tiêu vốn**

Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	828.858.000	27.000.000.000

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(b) Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải thu cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	9.645.065.172	11.783.162.339
Từ hai đến năm năm	13.681.390.448	23.142.347.140
	<hr/>	<hr/>
	23.326.455.620	34.925.509.479
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

28. Nợ phải trả thuần bằng ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có các khoản nợ phải trả thuần bằng ngoại tệ như sau:

	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.096
Phải thu khách hàng	277.127
Phải trả người bán	(971.058)
Vay ngắn hạn	(3.111.145)
Vay dài hạn	(2.744.367)
	<hr/>
	(6.544.347)
	<hr/> <hr/>

Rủi ro tiền tệ của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tiền tệ ngắn hạn vượt mức cho phép.

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái
	tại ngày
	31/12/2011
	VND
USD1	20.828
	<hr/> <hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)**

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**Ảnh hưởng đến lợi
nhuận thuần tại
ngày 31/12/2011
VND**

USD (mạnh thêm 10%) – Giảm lợi nhuận thuần (12.268.687.321)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty.

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

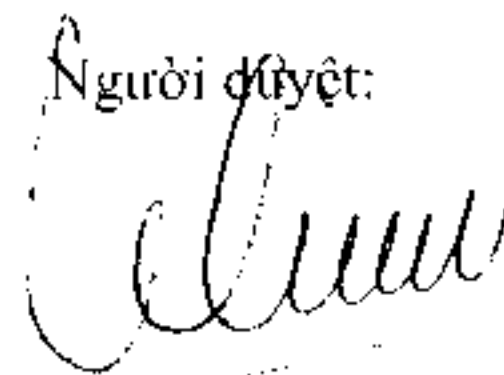
	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.321.527.650.724	1.013.859.237.608
Chi phí nhân công	103.555.450.534	77.518.520.282
Chi phí khấu hao	39.505.688.206	32.567.134.752
Chi phí khác	53.868.099.986	43.022.225.815

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2012